

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 04-NH/QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 1 năm 1991

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành thể lệ tín dụng ngắn hạn đối với các tổ chức kinh tế

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại Lệnh số 37/HĐNN8 ngày 24-5-1990 và Pháp lệnh Ngân hàng, HTX tín dụng và Công ty Tài chính công bố tại Lệnh số 38/HĐNN8 ngày 24-5-1990 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 196/HĐBT ngày 12-11-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ;

*Căn cứ Nghị định số 138/HĐBT ngày 8-5-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế- kế hoạch,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo quyết định này Thể lệ tín dụng ngắn hạn đối với các tổ chức kinh tế.

Điều 2. Thể lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thể lệ tín dụng ban hành theo Quyết định số 19/NH-QĐ ngày 27-04-1988.

Điều 3. Thể lệ tín dụng này được áp dụng chung cho các Ngân hàng thương mại, Ngân hàng đầu tư và phát triển, HTX tín dụng và Công ty Tài chính.

Điều 4. Các đồng chí Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, Vụ trưởng, Viện trưởng thuộc Ngân hàng Nhà nước, Tổng giám đốc và Giám đốc các Ngân hàng thương mại; Ngân hàng đầu tư và phát triển, HTX tín dụng và Công ty Tài chính và các Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

THẺ LỆ

TÍN DỤNG NGẮN HẠN ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ

(Ban hành theo Quyết định số 04-NH/QĐ ngày 08-01-1991

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư và phát triển, HTX tín dụng và Công ty Tài chính (gọi tắt là tổ chức tín dụng-TCTD) thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ, dùng các nguồn vốn tín dụng để cho các tổ chức kinh tế quốc doanh, hợp doanh, tập thể và tư doanh vay (gọi tắt là các tổ chức kinh tế-TCKT) nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ các nhu cầu sản xuất - kinh doanh.

Điều 2. Nguyên tắc vay vốn.

2.1- Vốn vay phải luôn luôn được giá trị vật tư, hàng hoá tương đương làm đảm bảo.

2.2- Phải sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết khi xin vay vốn.

2.3- Vốn cho vay phải được hoàn trả đầy đủ cả tiền gốc và tiền lãi, theo đúng hạn đã ấn định.

Điều 3. Điều kiện để được vay vốn.

3.1. -Đối với mọi tổ chức kinh tế:

Phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, mở tài khoản tiền gửi tại TCTD cho vay, hoạt động theo đúng luật doanh nghiệp.

Sản xuất, kinh doanh có lãi và chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách của Nhà nước;

Có đủ vốn tự có theo mức quy định, vốn vay TCTD chỉ để bổ sung vào tổng mức vốn lưu động cần thiết.

Tổ chức hạch toán và quản lý tài chính theo đúng pháp lệnh kế toán và thống kê. Cung cấp cho các TCTD những tài liệu cần thiết về sản xuất, kinh doanh và tài chính;

Mỗi TCKT chỉ được vay vốn ở một TCTD trong nước, nơi mở tài khoản tiền gửi chính. Trong trường hợp đi vay vốn ở TCTD khác, phải tất toán mọi khoản nợ với TCTD đang quan hệ.

Chấp nhận và thực thi mọi quy định trong thể lệ tín dụng của Ngân hàng Nhà nước và TCTD đang cho vay vốn.

3.2 - Đối với TCKT tập thể, ngoài những điều kiện nêu trên, khi vay vốn phải thế chấp tài sản và khi sáp nhập hoặc giải thể phải trả nợ hết nợ vay (cả gốc và lãi)

3.3- Đối với tư doanh, ngoài những quy định nêu trên, phải nộp TCTD bản sao giấy phép kinh doanh (Nếu luật doanh nghiệp quy định) có trụ sở thường trú cùng trong địa bàn của TCTD phụ trách cho vay; phải có vốn tham gia trên 60% trong tổng nhu cầu vốn của mục đích xin vay đó; mọi khoản tiền vay nợ đều phải thế chấp tài sản; phải trả hết nợ (cả gốc lẫn lãi) trước khi ngừng kinh doanh, hoặc thay đổi nơi đặt trụ sở và khi còn nợ quá hạn chưa được vay món mới.

Điều 4. Đối tượng cho vay bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá và các chi phí cấu thành nên giá mua hoặc giá thành sản phẩm.

Điều 5. Giá cho vay căn cứ vào hợp đồng kinh tế, hoặc trên chứng từ mua vật tư, hàng hoá và chi phí mà đơn vị vay vốn đã chấp nhận.

Điều 6. Thời hạn cho vay được xác định gắn với đặc điểm chuyển vốn của quá trình sản xuất - kinh doanh của TCKT vay vốn, nhưng không quá 6 tháng. Trường hợp đặc biệt có quy định riêng, nhưng tối đa không quá 1 năm.

Điều 7. TCTD phát tiền vay theo tiến độ thực hiện mục đích vay vốn của TCKT.

Điều 8. Tổng dư nợ các loại vay của một khách hàng không được quá 10% vốn tự có và quỹ dự trữ của TCTD. Tổng số vốn cho 10 khách hàng vay nhiều nhất không được quá 30% tổng số dư nợ cho vay của TCTD đó. Các TCTD không được giành quyền ưu đãi cho vay đối với khách hàng vay đặc biệt đã được quy định trong Pháp lệnh Ngân hàng, HTX tín dụng và Công ty Tài chính. Trường hợp đặc biệt sẽ có quy định riêng.

Điều 9. TCKT phải có trách nhiệm thực hiện việc trả đủ nợ và lãi đúng kỳ hạn, chủ động trả nợ khi đến hạn. Nếu không tự trả thì TCTD khấu trừ vào tài khoản tiền gửi, nếu tiền gửi không đủ trả thì TCTD chuyển số thiếu sang nợ quá hạn.

Điều 10. Lãi cho vay được thực hiện theo mức do TCTD ấn định trong phạm vi khung lãi suất đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định. Việc thu lãi tiền vay được tiến hành phù hợp với từng phương pháp cho vay.

Điều 11. TCTD được quyền yêu cầu khách hàng vay vốn cung cấp các thông tin có liên quan đến vốn vay, tiến hành kiểm soát trong quá trình cho vay và sử dụng vốn vay. Nếu phát hiện sai trái so với thể lệ tín dụng này thì phải xử lý theo chế độ quy định.

Điều 12. Các TCKT được vay vốn ngắn hạn của các TCTD theo các loại sau đây:

Vay bổ xung vốn lưu động.

Chiết khấu chứng từ có giá

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. CHO VAY BỔ XUNG VỐN LƯU ĐỘNG

Điều 13. Sau khi đã sử dụng hết vốn lưu động tự có và vốn huy động vào sản xuất- kinh doanh, TCTK có thể xin vay ngắn hạn số còn thiếu ở TCTD nơi đặt quan hệ. Nhu cầu vay vốn tối đa không được trái với quy định tại Điều 3 trong thể lệ này.

Điều 14. TCTK có quan hệ tín dụng được TCTD mở cho một tài khoản tiền vay bên cạnh tài khoản tiền gửi chính của đơn vị đó.

Điều 15. Phương pháp cho vay:

15.1- Các TCKT sản xuất hoặc luân chuyển hàng hoá ổn định, nếu nhu cầu vay vốn thường xuyên, có thể lập kế hoạch xin vay và trả nợ cho cả quý hay cả mùa, vụ. Nếu TCTD thấy có thể cho vay thì báo cho đơn vị vay lập thủ tục cụ thể nhận vốn vay.

15.2- Trường hợp nhu cầu vay vốn không thường xuyên, TCTD cho vay từng món. Mỗi lần vay, TCKT phải làm đơn xin vay, có giải trình về mục đích vay vốn, tổng nhu cầu vốn, số vốn đơn vị đã có, mức vốn cần xin vay, hoạch định quá trình chu chuyển vốn của đối tượng xin vay vốn, và khả năng trả nợ vốn vay. TCTD tiến hành kiểm tra, tính toán để giải quyết cho vay.

Riêng đối với kinh tế tập thể và tư doanh, TCTD chỉ cho vay từng lần theo món.

15.3- Mỗi lần nhận tiền vay, TCTK phải lập khế ước nhận nợ TCTD phát tiền vay bằng cách chuyển thẳng cho bên thụ hưởng. Trường hợp thật cần thiết phải chuyển tiền vay sang tài khoản tiền gửi hoặc phát tiền mặt cho đơn vị vay, phải ghi trước trong đơn xin vay.

Điều 16. Việc định kỳ hạn nợ dựa trên đặc điểm chu chuyển vốn của đối tượng xin vay. Nếu TCTD cho vay theo kế hoạch quý, mùa, vụ thì định mức thu nợ từng lần trong định kỳ. Nếu cho vay theo từng món, thì hạn thu nợ được ấn định vào lúc đối tượng xin vay đó đã chuyển thể. TCTD có thể cho vay tiếp theo đối tượng mới, nếu TCKT yêu cầu.

TCKT có thể trả nợ trước hạn, khi đến hạn phải trích tài khoản tiền gửi, hay nộp tiền mặt vào TCTD để trả nợ. Nếu không chủ động trả, TCTDsẽ trích tiền gửi của bên vay để thu nợ, nếu